

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	TM	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		311,155,566,908	305,436,846,082
1. Tiền		14,964,902,584	29,897,105,657
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		131,369,994,981	167,375,525,932
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		119,151,085,600	75,133,482,891
4. Tài sản ngắn hạn khác		45,669,583,743	33,030,731,602
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		520,630,825,275	527,699,281,647
1. Tài sản cố định			
- Nguyên giá		24,873,800,168	25,507,910,831
- Khấu hao lũy kế		(8,390,419,439)	(6,537,305,468)
2. Bất động sản đầu tư			
- Nguyên giá		185,057,699,581	180,585,229,091
- Khấu hao lũy kế		(316,976,931)	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		302,996,859,960	291,915,485,960
4. Các khoản phải thu dài hạn		3,226,648,572	22,273,971,000
5. Tài sản dài hạn khác		13,183,213,364	13,953,990,233
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		831,786,392,183	833,136,127,729
NGUỒN VỐN	TM	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ		511,660,364,405	525,563,064,487
1. Nợ ngắn hạn		277,423,840,111	313,489,949,204
2. Nợ dài hạn		93,748,362,117	101,975,196,117
3. Dự phòng nghiệp vụ		140,488,162,177	110,097,919,165
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		320,126,027,778	307,573,063,242
1. Nguồn vốn kinh doanh, gồm:			
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		345,000,000,000	300,000,000,000
- Thặng dư vốn cổ phần		12,900,000,000	3,900,000,000
- Cổ phiếu ngân quỹ		(1,071,092,567)	(1,071,092,567)
2. Các quỹ		(2,091,399,008)	(1,281,232,311)
3. Lợi nhuận chưa phân phối		(34,611,480,647)	6,025,388,120
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		831,786,392,183	833,136,127,729

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	TM	NĂM 2009	NĂM 2008
A. TỔNG DOANH THU		254,984,706,363	316,984,125,463
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hi		227,214,584,103	193,517,604,798
2. Doanh thu hoạt động tài chính		26,599,695,868	70,070,863,263
3. Doanh thu hoạt động khác		1,170,426,392	53,395,657,402
B. TỔNG CHI PHÍ		290,366,560,704	314,798,667,678
1. Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		155,115,914,415	143,396,759,845
2. Chi phí hoạt động tài chính		56,603,309,610	80,678,896,716
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp		72,026,246,514	67,715,229,864
4. Chi phí hoạt động khác		6,621,090,165	23,007,781,254
C. LỢI NHUẬN THUẦN HẸKĐ BẢO HIỂM		72,423,174	(17,594,384,910)
D. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		(35,381,854,341)	2,185,457,785
E. THUẾ THU NHẬP PHẢI NỘP		5,255,014,426	1,963,216,770
F. LỢI NHUẬN SAU THUẾ		(40,636,868,767)	222,241,015

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN:

CHỈ TIÊU	ĐVT TM	NĂM 2009	NĂM 2008
Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	62.59	63.34
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	37.41	36.66
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	61.51	63.08
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	38.49	36.92
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.63	1.59
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1.12	0.97
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.05	0.1
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	LỖ	0.99
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	LỖ	0.26
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	%	LỖ	0.7